



HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THỔ NHĨ KỶ

Người liên hệ: Cù Việt Hùng

Tel: 04.35742162

Email: hungcv@vcci.com.vn

8.2017

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG THỔ NHĨ KỲ

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	1
1. Các thông tin cơ bản	1
2. Lịch sử	1
3. Đường lối đối ngoại	2
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	2
1. Tổng quan	2
2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:	3
3. Các chỉ số kinh tế	3
III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM	4
Các chuyến thăm cao cấp gần đây.....	4
IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM.....	4
1. Hợp tác thương mại.....	4
2. Hợp tác đầu tư.....	6
V. HỢP TÁC VỚI VCCI	6
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết	6
2. Hoạt động đã triển khai	6
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH	7
1. Địa chỉ hữu ích	7
2. Các thông tin khác.....	7
Bảng 1: Xuất khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ	8
Bảng 2: Nhập khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ.....	9



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên nước	Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ (Republic of Turkey)
Thủ đô	Ankara
Quốc khánh	29/10
Diện tích	780,580 km ²
Dân số	80,274,604 (7/2016), trong đó người Thổ chiếm 70-75%, người Kurk chiếm 19%, các dân tộc khác 7-12%
Các thành phố lớn	Istanbul 14.164 triệu người; ANKARA (thủ đô) 4.75 triệu người; Izmir 3.04 triệu người; Bursa 1.923 triệu người; Adana 1.83 triệu người, Gaziantep 1.528 triệu người (2015).
Khí hậu	Mùa đông lạnh, ẩm ướt, có tuyết nhiều tháng. Mùa hè ôn hoà. Nhiệt độ trung bình 20oC..
Ngôn ngữ	Tiếng Thổ là quốc ngữ, ngoài ra còn có tiếng Cuốc, Đim-li, A-ze-ri, Ka-bac-đi-an ...
Tôn giáo	99.8% dân số theo Đạo Hồi (dòng Sunni) ngoài ra còn có tín đồ Thiên chúa giáo và Do thái giáo
Đơn vị tiền tệ	Lira (1 USD = 3.5 Lira, năm 2016)
Múi giờ	GMT + 2
Thế chế	Cộng hoà nghị viện
Tổng thống	Recep Tayyip ERDOGAN (từ 10/08/2014)
Thủ tướng	Binali YILDIRIM (từ 22/05/2016)

2. Lịch sử

Thổ Nhĩ Kỳ có nền văn minh lâu đời (từ hơn 2000 năm trước công nguyên). Từ 1200 trước Công Nguyên, Thổ Nhĩ Kỳ bị Hy Lạp, La Mã xâm chiếm, đô hộ. Từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ 13, Thổ bị đế quốc A-rập thôn tính, truyền bá đạo Hồi vào Thổ. Từ thế kỷ 14 Thổ trở thành một đế quốc phong kiến



cường thịnh (đế quốc Ôt-tô-man), thôn tính phần lớn vùng Trung Đông, Bắc Phi và đô hộ khu vực này cho đến đầu thế kỷ 20.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, là đồng minh của nước Đức bại trận, Thổ Nhĩ Kỳ bị Anh, Pháp, Hy-lạp chia nhau chiếm đóng.

Năm 1919, dưới sự lãnh đạo của Mustafa Kamal, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã đứng lên chống chế độ phong kiến và quân chiếm đóng nước ngoài. Tháng 4/1920, chính phủ đầu tiên do M.Kamal đứng đầu đã được thành lập. Ngày 29 tháng 10 năm 1923, nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập.

3. Đường lối đối ngoại

Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, Thổ thi hành chính sách đối ngoại đa dạng hoá, chủ trương phát triển quan hệ với nhiều nước khác nhau, nhưng vẫn giành ưu tiên quan hệ với phương Tây và Mỹ, chủ trương xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ và thúc đẩy tiến trình gia nhập EU. Thổ có quan hệ tốt với các nước khu vực Balkan, Trung Đông và các nước thuộc Liên Xô cũ. Hiện nay Thổ đang phát triển quan hệ với Ấn Độ, Trung Quốc, Canada và mong muốn mở rộng quan hệ với các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan

Nền kinh tế năng động của Thổ Nhĩ Kỳ là sự kết hợp giữa nền công nghiệp, thương mại hiện đại và nền nông nghiệp truyền thống, hiện vẫn chiếm đến hơn 25% lực lượng lao động. Khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng, tuy nhiên nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong lĩnh vực công nghiệp nặng, ngân hàng, giao thông vận tải và truyền thông liên lạc. Ngành công nghiệp may mặc đóng vai trò chủ yếu, tạo công ăn việc làm cho hơn một phần ba lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp. Tuy nhiên, những ngành kinh tế khác, nhất là ngành công nghiệp ô tô và công nghiệp điện tử, đã có những bước tăng trưởng quan trọng.

Tổng sản lượng quốc gia thực đã tăng hơn 6% trong vòng nhiều năm, nhưng điểm nhấn thực sự là vào các năm 1994, 1999 và 2001. Nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ đang trong quá trình thực hiện cải cách cơ cấu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tiếp tục đẩy nhanh quá trình tư nhân hoá nhằm đạt được sự tăng trưởng bền vững. Thực hiện cải cách kinh tế gắn liền với tiến trình đàm phán gia nhập liên minh Châu Âu, tạo thuận lợi cho hội nhập vào nền kinh tế của EU.

Phần lớn nền kinh tế thị trường tự do của Thổ Nhĩ Kỳ ngày càng được thúc đẩy bởi các ngành công nghiệp và dịch vụ của mình, mặc dù ngành nông nghiệp truyền thống vẫn chiếm khoảng 19% lao động (2016). Một chương trình tư nhân hóa mạnh mẽ đã làm giảm sự tham gia của nhà nước trong ngành công nghiệp cơ bản, ngân hàng, vận tải, và thông tin liên lạc, và sự nổi lên của các doanh nhân trung lưu đang bổ sung thêm tính năng động cho nền kinh tế và mở rộng sản xuất ngoài dệt truyền thống và các ngành may mặc. Các ngành công nghiệp ô tô, xây dựng, và các thiết bị điện tử đang gia tăng tầm quan trọng và đã vượt qua dệt may trong xuất khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ. Dầu bắt đầu chảy qua đường ống Baku-Tbilisi-Ceyhan tháng 5 năm 2006, đánh dấu một mốc quan trọng, mang lại lên đến 1 triệu thùng mỗi ngày từ khu vực Caspian tới thị trường. Một số dự án đường ống dẫn khí cũng đã được triển khai để giúp vận chuyển khí Caspian tới châu Âu thông qua Thổ Nhĩ Kỳ, mà về lâu dài sẽ giúp giải quyết được sự phụ thuộc của Thổ Nhĩ Kỳ vào 97 % năng lượng dầu nhập khẩu và khí đốt đang. Sau khi Thổ Nhĩ Kỳ đã trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng vào năm 2001, Ankara đã thông qua cải cách tài chính như là một phần của chương trình của IMF. Những cải cách củng cố nền tảng kinh tế của đất nước và mở ra một thời kỳ tăng trưởng mạnh trung bình hơn 6% mỗi năm cho đến năm 2008.



Điều kiện kinh tế toàn cầu và chính sách tài khóa thắt chặt ảnh hưởng đến GDP trong năm 2009, nhưng cũng có quy định giúp hệ thống thị trường tài chính ngân hàng của Thổ Nhĩ Kỳ vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, và GDP tăng mạnh trở lại vào khoảng 9% trong năm 2010-11, khi xuất khẩu trở lại mức bình thường sau cuộc suy thoái. Tăng trưởng đã giảm khoảng 2-4% trong 2013-14. Nợ khu vực công của Thổ Nhĩ Kỳ so với tỷ lệ tăng trưởng GDP đã giảm xuống dưới 40%. Thổ Nhĩ Kỳ vẫn còn phụ thuộc vào sự biến động thường xuyên, đầu tư ngắn hạn và thâm hụt tài khoản vãng lai. Giá trị cổ phiếu của FDI đạt gần 195 tỷ USD vào cuối năm 2014, phản ánh sự tăng trưởng mạnh mẽ của Thổ Nhĩ Kỳ, ngay cả khi đối mặt với khủng hoảng kinh tế ở châu Âu, là nguồn gốc của đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng vẫn còn tồn tại những vấn đề như thâm hụt của Thổ Nhĩ Kỳ tương đối cao, bất ổn chính trị trong nước, nền kinh tế dễ bị tổn thương bởi sự thay đổi gây mất ổn định trong niềm tin nhà đầu tư.

2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Tài nguyên thiên nhiên phong phú, công nghiệp khai khoáng phát triển, khai thác 900.000 tấn crôm/năm (đứng đầu thế giới). Trữ lượng dầu lửa 139 triệu tấn. Sản lượng dầu khoảng 3 triệu tấn/năm. Thổ phải nhập khẩu dầu thô, chiếm 10,5% tổng giá trị nhập khẩu. Ngoài ra còn có than đá, đồng, bo.

3. Các chỉ số kinh tế

	2014	2015	2016
GDP (ppp)	1.512 nghìn tỷ USD	1.65 nghìn tỷ USD	1.698 nghìn tỷ USD
Tăng trưởng GDP	5.2%	6.1%	2.9%
GDP theo đầu người	20,100 USD	20,700 USD	21,100 USD
GDP theo ngành (2016)	<p>Dịch vụ, 65.50% Công nghiệp, 28.50% Nông nghiệp, 8.10%</p>		
Lực lượng lao động	27.56 triệu người	29.4 triệu người	30.54 triệu người
Tỷ lệ thất nghiệp	9.2%		10.9%
Tỷ lệ lạm phát	8.9%	7.7%	8.5%
Mặt hàng nông nghiệp	Thuốc lá, vải sợi, ngũ cốc, ô liu, củ cải đường, quả phỉ, xung, cây có múi; chăn nuôi		
Các ngành nông nghiệp	Dệt may, chế biến thực phẩm, ô tô, đồ điện, khai khoáng, sắt thép, dầu khí, xây dựng, gỗ, giấy		
Tăng trưởng công nghiệp	2.8%		1.3%
Kim ngạch xuất khẩu	157.6 tỷ USD	143.8 tỷ USD	
Mặt hàng XK chính	Rau, quả, hàng dệt may, sắt, thép, thiết bị vận tải		
Đối tác XK chính (2015)	Đức 9.3%, Anh 7.3%, Iraq 5.9%, Ý 4.8%, Hoa Kỳ 4.5%, Pháp 4.1%		
Kim ngạch nhập khẩu	154.2 tỷ USD	207.2 tỷ USD	142.5 tỷ USD
Mặt hàng XK chính	Máy móc, hoá chất, xăng dầu, thiết bị vận tải		
Đối tác NK chính	Trung Quốc 12%, Đức 10.3%, Nga 9.8%, Hoa Kỳ 5.4%, Ý 5.1%		



(2015)

III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Ngày 7/6/1978, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

Tháng 2/1997, Thổ Nhĩ Kỳ lập Đại sứ quán thường trú tại Hà Nội.

Tháng 10/1999, ta mở Văn phòng Đại diện Thương mại tại Istanbul.

Tháng 7/2002, ta mở Tổng Lãnh sự quán tại Istanbul.

Tháng 10/2003, ta nâng TLSQ tại Istanbul lên Đại sứ quán và chuyển về An-ca-ra.

Các chuyến thăm cao cấp gần đây

Các đoàn ta thăm Thổ Nhĩ Kỳ:

Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết (8/1997). Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phúc Thanh (từ 24/5 đến 5/6/1998). Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn (từ 28/10 đến 1/11/1999). Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Dy Niên (20-23/6/2005). Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Võ Thị Thắng (9/2005). Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công An (8/2007). Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan. (9/6/2010). Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Kiên (2/2011). Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (5/2011)

Các đoàn bạn thăm Việt Nam:

Bộ trưởng Ngoại giao ISMAIL CEM (từ 20 đến 22/2/1998). Đặc phái viên của Bộ trưởng Ngoại giao (tháng 4/2006). Đại sứ, Đặc phái viên Bộ trưởng Ngoại giao (12/2007). Bộ trưởng Nội vụ vào họp UBHH 28-31/8/2006. Đại sứ CH Thổ Nhĩ Kỳ Ates Oktem (8/5/2008). Thứ trưởng Ngoại giao Unal Cevikoz (1/2010). Bộ trưởng Ngoại giao Ahmed Davutoglu (7/2010). Đại sứ CH Thổ Nhĩ Kỳ Ates Oktem (17/5/2011)

IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ đã họp 5 lần (lần 1 tại Hà Nội vào 3/2000; lần 2 tại Ankara vào 9/2004; lần 3 tại Hà Nội vào 8/2006, lần 4 tại Ankara, lần 5 tại Hà nội vào 2/2011). Năm 2005, Ban Quan hệ Kinh tế Đối ngoại Thổ Nhĩ Kỳ (DEIK) đã công bố danh sách 100 thị trường xuất khẩu hàng đầu và 100 thị trường nhập khẩu hàng đầu của Thổ Nhĩ Kỳ. Theo công bố xếp hạng, Việt Nam đứng ở vị trí 89 trong danh sách thị trường xuất khẩu và đứng thứ 64 trong danh sách thị trường nhập khẩu của Thổ Nhĩ Kỳ.

1. Hợp tác thương mại

Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ năm 2016 đạt 1.5 tỷ USD giảm 0.46% so với năm 2015. Trong đó, xuất khẩu đạt 1.33 tỷ USD, giảm 2.2% so với mức 1.36 tỷ USD năm 2015, nhập khẩu đạt 171.4 triệu USD, tăng 16.28% so với mức 147.4 triệu USD năm 2015

Điều đáng chú ý là trong những năm qua, Việt Nam liên tục xuất siêu sang Thổ Nhĩ Kỳ. Trong số các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam, điện thoại các loại và linh kiện là mặt hàng xuất khẩu liên tục dẫn đầu trong những năm qua. Năm 2016, trị giá xuất khẩu điện thoại các loại linh kiện là 716 triệu USD, tăng 6,7% so với mức 671 triệu USD năm 2015. Tiếp đó là các mặt hàng xơ, sợi dệt các loại; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; hàng dệt, may; cao su.



Năm	Việt Nam xuất khẩu	Việt nam nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Mức tăng (%)
2013	1,173,487	97,001	1,270,488	13.3
2014	1,507,730,862	129,997,705	1,637,728,567	14.5
2015	1,359,637,354	147,444,639	1,507,081,993	-8%
2016	1,328,764,249	171,383,644	1,500,147,893	-0.46%
6 tháng 2017	842,051,476	106,921,102		

Kim ngạch XNK giữa Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ - Đơn vị: USD - nguồn Tổng Cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu	2015	2016
Điện thoại các loại và linh kiện	671,248,606	716,461,509
Xơ, sợi dệt các loại	168,060,096	161,893,950
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	39,420,959	28,242,009
Hàng dệt, may	38,019,037	29,770,551
Cao su	27,919,460	28,576,496

Top - Mặt hàng Xuất khẩu (2016) - Đơn vị: USD- nguồn Tổng Cục Hải quan

Mặt hàng nhập khẩu	2015	2016
Vải các loại	37,993,438	33,827,451
Quặng và khoáng sản khác	4,926,740	5,399,819
Dược phẩm	12,383,718	13,419,216
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	29,542,649	32,954,967
Sản phẩm hóa chất	3,795,427	4,724,843

Top - Mặt hàng Nhập khẩu (2016) - Đơn vị: USD- nguồn Tổng Cục Hải quan

Thực tế cho thấy, Thổ Nhĩ Kỳ thực sự là thị trường tiềm năng lớn đối với các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam. Đây là cửa ngõ để hàng xuất khẩu Việt Nam: gạo, cao su, chè, may mặc, giày dép, hàng điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ... vào khu vực Trung Đông và nơi trung chuyển vào thị trường EU. Ngược lại Thổ Nhĩ Kỳ có khả năng cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp của Việt Nam như phôi thép, sắt thép, vật liệu xây dựng, bông, hóa chất, phụ tùng ô tô...

Cùng với đó, việc hãng hàng không Thổ Nhĩ Kỳ Turkis Airlines đã mở đường bay thẳng từ Istanbul đến TP.HCM là cầu nối quan trọng để doanh nghiệp hai nước có thể thúc đẩy các hoạt động trao đổi buôn bán thương mại và đầu tư.



2. Hợp tác đầu tư

Đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam còn ở mức khiêm tốn. Tính đến tháng 7/2017, tổng số vốn đầu tư của Thổ Nhĩ Kỳ vào Việt Nam chỉ mới đạt 704.55 triệu USD với 16 dự án còn hiệu lực và đứng thứ 27 trong số 122 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Tính riêng tháng 7/2017, Thổ Nhĩ Kỳ có 1 dự án cấp mới với số vốn là 0.2 triệu USD.

V. HỢP TÁC VỚI VCCI

Nhìn chung hợp tác giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam với các tổ chức xúc tiến của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn chưa có gì lớn, phần lớn là theo vụ việc, tổ chức các sự kiện hoặc cung cấp thông tin phục vụ doanh nghiệp. VCCI luôn cử đại diện tham gia các kỳ họp Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ và hỗ trợ, cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp là thành viên của Hội đồng doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ - Việt Nam.

1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

- Liên đoàn các Phòng Thương mại và Sở giao dịch hàng hoá Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) - 10/2009

2. Hoạt động đã triển khai

- 10/2007, trong khuôn khổ chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã tổ chức đoàn 30 doanh nghiệp tiến hành khảo sát thị trường Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

- 10/2009, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam (VCCI) phối hợp với Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam và Liên đoàn các Phòng Thương mại và Công nghiệp và Sở giao dịch hàng hoá Thổ Nhĩ Kỳ (TOBB) tiếp đón đoàn doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ tới thăm Việt nam và tổ chức cuộc gặp gỡ doanh nghiệp hai nước, với sự tham gia gần 100 đại biểu bao gồm đại diện của các tổ chức xúc tiến thương mại và tập đoàn lớn của Thổ Nhĩ Kỳ và nhiều doanh nghiệp Việt Nam quan tâm tới thị trường này.

- 30/10/2009 - Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập theo sáng kiến của VCCI, bao gồm các hội viên là các doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ làm ăn với đối tác Thổ Nhĩ Kỳ.

- 06/2010- Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ đã tổ chức đoàn doanh nghiệp Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ tham dự sự kiện Cầu nối thế giới 2010 (World Trade Bridge 2010) theo lời mời của TUSKON. Đoàn đã tiếp xúc với nhiều doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ, đi thăm một số địa phương và được Thống đốc các bang, Thị trưởng thành phố và các đại diện của Hiệp hội doanh nghiệp địa phương đón tiếp. Bước đầu các doanh nghiệp Việt Nam đã đạt được 1 số thoả thuận với đối tác bạn để xúc tiến ký kết các hợp đồng xuất khẩu hàng nông sản và đồ thủ công mỹ nghệ sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ. Dự kiến, phía bạn sẽ sang thăm Việt Nam vào tháng 8/2010 theo lời mời của Hội đồng.

- 22/02/2011, tại Hà Nội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã phối hợp với Liên đoàn các doanh nhân và công nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ (TUSKON) và Bộ Công thương tổ chức hội thảo “Thương mại và Đầu tư Việt Nam- Thổ Nhĩ Kỳ” với sự tham gia của 29 doanh nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ trong các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, máy móc, sắt thép, xi măng, công nghiệp ô tô, phụ tùng, may mặc, thực phẩm, hàng điện tử, đồ nội thất, bảo hiểm và dịch vụ tài chính, du lịch, giáo dục, kinh doanh chuỗi siêu thị, vàng bạc đá quý.. thu hút hơn 100 doanh nghiệp trong nước đang hoạt động trên các lĩnh vực đầu tư kinh doanh xuất nhập khẩu.



- 13/07/2017, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Hội đồng Kinh tế Đối ngoại Thổ Nhĩ Kỳ (DEIK) và Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam tổ chức cuộc gặp gỡ doanh nghiệp Việt Nam - Thổ Nhĩ Kỳ.

3. Các vấn đề khó khăn thuận lợi

Theo thông báo của Thương vụ Thổ Nhĩ Kỳ tại Hà Nội, các khó khăn gặp phải từ phía bạn như sau:

- Visa: các doanh nhân Thổ Nhĩ Kỳ có mong muốn tới Việt Nam gặp khó khăn trong việc cấp visa từ Cục xuất nhập cảnh (từ chối cấp). Nguyên nhân là tại Tp, HCM có 1 số tội phạm sử dụng hộ chiếu giả quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện Sứ quán đã đề xuất với Bộ Công An để giúp giải quyết vấn đề này.
- Mở công ty, văn phòng đại diện tại Việt Nam: các doanh nghiệp bạn gặp khó khăn về việc cung cấp các giấy tờ hồ sơ hợp lệ để đạt đủ điều kiện đăng ký với Sở kế hoạch và đầu tư. Một số giấy tờ, cơ quan chức năng Việt Nam đòi hỏi mà phía Thổ Nhĩ Kỳ không có.
- Lừa đảo trong thương mại: các doanh nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ mong muốn có cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại nhằm đảm bảo quyền lợi khi giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam.

VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Địa chỉ hữu ích

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
Việt Nam		
Ban Quan hệ quốc tế, VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội	T: 84-4-35771380	ducva@vcci.com.vn
Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ tại Việt Nam 4th Flr., North Star Building, 4 Da Tuong Str., Hanoi	T: 84-4-38222460 F: 84-4-38222458	turkeyhn@fpt.vn
Thổ Nhĩ Kỳ		
Đại sứ quán Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ Kozasokak No 109, Gaziosmanpasa, Ankara, Turkey	T:+90212 4468049 F:+90212 4468049	dsqynturkey@mofa.gov.vn
DEIK (Foreign Economic Relations Broad) Dış Ekonomik İlişkiler Kurulu TOBB Plaza Talatpaşa cad. No:3 Kat:5 34394 Gültepe Levent İstanbul TURKEY	T:+90212 339 50 00 F: +90212 270 30 92	info@deik.org.tr www.keskuskauppakamari.fi
Hiệp hội xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ		www.turkishtime.org
Hiệp hội thương mại nước ngoài Thổ Nhĩ Kỳ		www.turktrade.org.tr

2. Các thông tin khác

*Website [CIA – The World Factbook](#)

*Website [Bộ Ngoại giao Việt Nam](#)



Bảng 1: Xuất khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 6 năm 2017

Nước/Mặt hàng chủ yếu	DVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Tri giá (USD)	Lượng	Tri giá (USD)
THỔ NHĨ KỲ			80.093.472		1.359.637.354
Hàng thủy sản	USD		1.435.735		8.462.853
Chè	Tấn	15	24.627	144	256.712
Hạt tiêu	Tấn	180	1.464.920	1.433	11.456.050
Gạo	Tấn	724	371.448	2.520	1.306.024
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	398	431.655	4.652	5.474.583
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		404.939		5.471.082
Cao su	Tấn	2.428	2.739.803	21.142	27.919.460
Sản phẩm từ cao su	USD		195.525		2.648.774
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		1.952.763		13.474.431
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	6.975	14.339.725	92.413	168.060.096
Hàng dệt, may	USD		3.940.012		38.019.037
Giày dép các loại	USD		5.017.371		44.642.713
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		215.427		2.888.352
Sắt thép các loại	Tấn	19	39.438	2.044	1.573.523
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		4.829.437		129.553.436
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		28.334.687		671.248.606
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		3.345.820		39.420.959
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		901.152		17.544.407



Bảng 2: Nhập khẩu VN Thổ Nhĩ Kỳ

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 6 năm 2017

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Tri giá (USD)	Lượng	Tri giá (USD)
THỔ NHĨ KỲ			17.426.389		106.921.102
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		61.572		1.647.002
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	2.519	491.597	18.428	3.158.918
Sản phẩm hóa chất	USD		758.014		3.489.922
Dược phẩm	USD		1.662.849		7.363.875
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		374.993		1.688.199
Vải các loại	USD		2.460.150		13.748.470
Sắt thép các loại	Tấn	287	147.041	2.076	1.620.082
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		5.204.227		32.028.783